HẦU HỘI TRONG THỰC HÀNH TÍN NGƯỠNG THỜ MẪU CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐÀ LẠT, LÂM ĐỒNG

BÙI THỊ THOA*

Hầu hội là một trong hai hình thức lên đồng đã và đang tồn tại trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt tại Đà Lạt. Nghi lễ này được thực hiện bởi các thanh đồng người Việt gốc Huế và các tỉnh miền Trung di cư đến vùng đất này. Bài viết tìm hiểu những đặc trưng trong nghi lễ hầu hội trong so sánh với nghi lễ hầu đồng theo kiểu miền Bắc, đồng thời nêu ra một số tác động tích cực cùng hạn chế của nghi lễ này trong đời sống tâm linh của một bộ phận cư dân Việt tại Đà Lạt, Lâm Đồng hiện nay.

Từ khóa: hầu hội, lên đồng, thực hành tín ngưỡng thờ Mẫu, người Việt, Lâm Đồng

Nhận bài ngày: 18/7/2018; đưa vào biên tập: 20/7/2018; phản biện: 25/8/2018; duyệt đăng: 20/12/2018

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hầu đồng hay *lên đồng* "không phải là một tín ngưỡng độc lập mà chỉ là một nghi lễ đặc trưng của đạo Mẫu Tam phủ, Tứ phủ. Hiện tượng lên đồng thực chất là sự nhập hồn nhiều lần của các thần linh Tứ phủ vào thân xác của các bà Đồng, ông Đồng để trị bệnh, cầu sức khỏe, tài lộc, may mắn…" (Ngô Đức Thịnh, 2007: 7).

Đầu thế kỷ XX, tín ngưỡng thờ Mẫu xuất hiện trên cao nguyên Lang Biang cùng với quá trình di dân lập làng, lập ấp của người Việt. Trải qua các giai đoạn lịch sử, Đà Lạt đã trở thành điểm dừng chân của nhiều nhóm người Việt đến từ những vùng miền khác nhau của đất nước (Xem thêm Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt, 2008: 108-116). Với đặc điểm là cộng đồng dân cư đa dạng về xuất xứ vùng miền và lịch sử di cư, cộng đồng người Việt tại Đà Lạt đã phát triển nhiều cách thức văn hóa thờ Mẫu khác nhau. Chẳng hạn ở đây có sự song song tồn tại hai hình thức hầu đồng theo kiểu miền Bắc (sau đây gọi là hầu Bắc) và hầu đồng theo kiểu miền Trung (sau đây gọi là hầu hội/hầu Huế). Hầu Bắc tại Đà Lạt được thực hiện bởi các thanh đồng gốc miền Bắc và tiến hành theo nghi lễ truyền thống của khu vực Bắc Bộ. Hầu hội tại Đà Lạt được thực hiện bởi những người Việt gốc miền Trung và tiến hành theo nghi lễ truyền thống của khu vực miền Trung (với trung tâm là Huế). Bên cạnh những tương đồng về các vị thánh, lễ vật, trang phục… hai hình thức hầu Bắc và

* Trường Đại học Khoa học Đà Lạt.

hầu Huế tại Đà Lạt vẫn có những điểm khác biệt.

Từ kết quả khảo sát thực tế, bài viết sẽ làm rõ những đặc trưng của nghi thức hầu hội trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu của người Việt ở Đà Lạt; đánh giá những ảnh hưởng của nghi lễ này đối với một bộ phận người Việt nơi đây.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bài viết được thực hiện dựa trên một số lý thuyết nghiên cứu như:

Lý thuyết về tính hệ thống của văn hóa: Lý thuyết này được nêu ra bởi Bonnemaison. Sau khi ông mất, các học trò của ông là Maud Lasseur và Christel Thibault đã biên tập lại thành công trình *La géographie culturelle* (*Địa văn hóa*) vào năm 2000. Theo đó, một hệ thống văn hóa bao gồm nhiều yếu tố, kiến thức, kỹ thuật, tín ngưỡng và không gian kết hợp hữu cơ lẫn nhau (Bonnemaison, 2000). Vì vậy, sự thay đổi ở một yếu tố trong phức thể đó sẽ dẫn đến sự thay đổi ở nhiều yếu tố khác. Vận dụng lý thuyết này có thể giải thích căn nguyên hình thành quan niệm và những nét đặc trưng khác biệt trong tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân miền Trung tại Đà Lạt.

Lý thuyết về giao lưu - tiếp biến văn hóa: Thuyết này được các nhà nhân học phương Tây đưa ra vào cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX khi tiến hành nghiên cứu về sự biến đổi văn hóa của các nhóm di dân người Châu Âu đến Mỹ và các nhóm dân tộc thiểu số sống lâu đời trên đất Mỹ. Năm 1948, tác giả Kroeber đã đề cập đến vấn đề này trong công trình *Anthropology: Race, Language, Psychology, Prehistory.* Theo đó, kết quả của quá trình giao lưu - tiếp biến sẽ khiến một nền văn hóa bị hút vào trong nền văn hóa khác, hoặc bị thay đổi, hoặc cả hai cùng thay đổi (Kroeber, 1948). Lý thuyết này giúp giúp tác giả nghiên cứu và lý giải nguyên nhân của một số thay đổi trong nghi thức hầu hội tại miền Trung cũng như tại Đà Lạt so với nghi lễ hầu đồng truyền thống ở miền Bắc.

Lý thuyết tính đồng dạng: Lý thuyết này được các tác giả McPherson, Lynn Smith-Lovin và James M. Cook trình bày trong *Homophily in voluntary organizations: Status distance and the composition of face-to-face groups* năm 1987. Qua đó, các tác giả đã chỉ ra sự tương đồng để tạo ra các liên kết. Sự tương đồng đó có thể là về tộc người, nhóm tuổi, giới tính, vị thế xã hội, tôn giáo, giáo dục, nghề nghiệp, hành vi, thái độ, khả năng, niềm tin và khát vọng... Lý thuyết này giúp hiểu được những yếu tố tương đồng của các nhóm thành viên cùng chịu tác động của hầu hội tại Đà Lạt.

Nghiên cứu sử dụng kỹ thuật điền dã với một số phương pháp chủ yếu: *phương pháp quan sát - tham dự* (tập trung vào những buổi sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu, đặc biệt là nghi lễ hầu đồng tại Đà Lạt); *phương pháp phỏng vấn sâu* được thực hiện với tổng số 50 người vào năm 2018 tại Đà Lạt với đầy đủ các thành phần: thanh đồng, chủ đền, con nhang đệ tử Mẫu.

3. ĐẶC TRƯNG TRONG NGHI LỄ HẦU HỘI CỦA NGƯỜI VIỆT Ở ĐÀ LẠT

Hầu hội là một trong những biến thể của nghi lễ hầu đồng ở châu thổ Bắc Bộ. Trải qua nhiều thế kỷ phát triển, đến nay hầu đồng Bắc Bộ (hầu Bắc) với một số trung tâm như Nam Định, Hà Nội… vẫn lưu giữ được những nghi lễ truyền thống, trong đó có một số đặc trưng nhất định: Mỗi vấn hầu chỉ có một thanh đồng thực hiện theo tuần tự các giá từ vị thánh cao nhất đến vị thánh cuối cùng trong điện thần Tứ phủ (tức là từ ba giá Mẫu đến giá hàng Quan, hàng Chầu, hàng Ông Hoàng, hàng Cô, hàng Cậu) (Xem thêm: Ngô Đức Thịnh, 2007: 14-25). Cũng có một số thanh đồng hầu thêm các giá Chúa Bà, các giá thuộc nhà Trần. Các giá Ông Hổ hoặc Ông Lốt thường rất ít người thực hiện. Để hoàn thành một vấn hầu Bắc, mỗi thanh đồng cần sự trợ giúp của hầu dâng (còn gọi là *tứ trụ*). "Hầu dâng gồm hai hoặc bốn người, hai nam và hai nữ… là những con nhang tin thờ Thánh Mẫu hay người đã ra đồng, là học trò…" (Ngô Đức Thịnh, 2007: 13). Họ đều là những người có hiểu biết nhất định về nghi lễ và khéo léo trong quá trình phục vụ khăn áo lễ vật cho người hầu. Ngoài hầu dâng còn có cung văn. Đây là lực lượng hỗ trợ đặc biệt quan trọng trong quá trình thanh đồng hầu thánh. Tuy nhiên trong qúa trình diễn xướng, cung văn phải tuyệt đối tuân thủ các "tín hiệu" do thanh đồng đưa ra khi muốn chuyển giá hầu hoặc muốn tăng tốc độ và âm lượng âm nhạc để làm vui lòng các thánh… Họ "thường xuyên tập luyện để làm sao có thể ứng tác kịp thời, ăn nhịp với các hành động của ông Đồng, bà Đồng" (Ngô Đức Thịnh, 2007: 13). Một nội dung khác đáng chú ý trong vấn hầu Bắc là toàn bộ phần kinh phí của buổi lễ sẽ do người chủ lễ chi trả.

Theo thống kê chưa đầy đủ của tác giả, hiện Lâm Đồng có 144 cơ sở thờ Mẫu, phân bố tại tất cả các địa phương. Trong đó, 14/144 cơ sở được thờ tự theo dạng thức miền Trung (do Thánh Mẫu Thiên Ya Na đứng đầu thần điện); 9/14 cơ sở dạng này tập trung tại Đà Lạt. Sinh hoạt tín ngưỡng chủ yếu của các cơ sở này là các buổi *hầu hội* hay *hầu Huế* với một số đặc trưng cụ thể như sau:

3.1. Có nhiều thanh đồng trong một vấn hầu

Nếu mỗi vấn hầu Bắc chỉ có duy nhất một thanh đồng thực hiện thì vấn hầu hội lại có nhiều thanh đồng cùng tham gia, có thể từ 3, 4, thậm chí là 10, 15 người hoặc nhiều hơn nữa. Trong vấn hầu tại đền Linh Bửu, ngày 9/11/2016 nhằm ngày 10 tháng Mười âm lịch (vía Ông Hoàng Mười) có 8 thanh đồng; lễ trình đồng cho cô L.T.B.T (cô đồng tại Đà Lạt được tác giả nhắc đến trong bài viết) ngày 25/11/2016 có 12 thanh đồng cùng tham dự… Điện thờ Tân Sơn Cảnh trong vấn hầu nhân dịp vía Mẫu ngày 31/3/2017 (tức mùng 4 tháng Ba âm lịch) có 10 thanh đồng độ tuổi từ 60 - 84 cùng tham gia; ngày 9/10/2017 (tức ngày 20 tháng Tám âm lịch) nhân tiệc Đức Thánh Trần có 8

thanh đồng cùng thực hiện vấn đồng hầu thánh. Điện thờ Cảnh Cậu Năm (Đa Phú) ngày 2/4/2017 (tức mùng 6 tháng Ba âm lịch) nhân dịp vía Mẫu Liễu Hạnh có 4 thanh đồng tham dự vấn hầu. Gần đây nhất là tại Tự Linh Điện, ngày 21/4/2018 (nhằm ngày mùng 6 tháng Ba âm lịch) trong tháng tiệc Thánh Mẫu có 15 thanh đồng cùng hầu trong một vấn.

Một điểm đáng lưu ý là hầu hết những người này thường chỉ làm *lễ trình đồng mở phủ*(1) để trở thành thanh đồng, họ ít khi xây dựng điện thờ riêng như dạng thức thờ Mẫu phía Bắc. Do đó vào mỗi dịp lễ, các thanh đồng ấy lại tập trung về ngôi đền họ đã ra đồng để cùng hầu thánh. Đây chính là lý do khiến dạng thức thờ Mẫu miền Trung có hình thức *hầu hội.*

3.2. Thay đổi thứ tự giá đồng(2)

Các thanh đồng gốc miền Trung tại Đà Lạt thực hiện các vấn hầu đồng *tuần tự theo các cõi*:

- Giá thứ nhất, đồng đền/chủ đền sẽ hầu vị thánh thủ điện - vị thánh được thờ chính tại bản điện, là người mà đồng đền hợp căn mạng hoặc được vị thánh đó cho "ăn lộc"(3). - Tiếp đến, các thanh đồng sẽ hầu ba giá Mẫu và tuần tự các cõi.

+ *Cõi Thượng Thiên*: gồm các giá của Ngũ Bà Thượng Thiên (từ Bà Đệ Nhất đến Bà Đệ Ngũ); sau đó là các giá Tôn Ông Đệ Nhất cho đến Đệ Ngũ ở cõi Thượng Thiên.

+ *Cõi Trung Thiên*: gồm các giá Ngũ vị Thánh Bà và giá Quan Đệ Tam Giám sát ngoại cảnh.

+ *Cõi Thượng Ngàn*: gồm các giá Chầu (nhưng không hầu Chầu Đệ Tứ vì bà thuộc cõi Thoải Phủ). Sau đó là giá ông, Ông Bảy, Ông Chín Thượng Ngàn (theo quan niệm dân gian đó là những vị thánh cai quản vùng rừng núi).

+ *Cõi Thoải Phủ*: đầu tiên là giá Chầu Bà Đệ Tứ, tiếp đến là Quan Lớn Đệ Tam, Quan Lớn Đệ Ngũ, tiếp đến là các giá Ông Hoàng Bảy, Ông Hoàng Mười. Cuối cùng, các thanh đồng sẽ hầu giá các Cô, giá các Cậu và kết thúc buổi lễ.

So với hầu Bắc, thứ tự các giá trong vấn hầu hội có nhiều khác biệt: Trong vấn hầu Bắc, Chầu Đệ Tứ sẽ được hầu cùng với các giá hàng Chầu - tức là sau giá các Quan Lớn và trước giá các Ông Hoàng; song trong hầu hội, bà sẽ được hầu trong cõi Thoải Phủ (sau tất cả các Chầu khác vì hầu hết các Chầu đều thuộc cõi Thượng Ngàn, thậm chí sau cả các giá Ông Hoàng Bẩy, Ông Hoàng Chín Thượng Ngàn). Một ví dụ khác là trong vấn hầu Bắc, Quan Lớn Đệ Tam và Quan Lớn Đệ Ngũ sẽ được hầu sau giá Mẫu; nhưng trong vấn hầu hội, giá hầu Quan Lớn Đệ Tam và Quan Lớn Đệ Ngũ lại được thực hiện sau giá các Chầu, giá Ông Hoàng. Trường hợp Ông Hoàng Bơ cũng thể hiện nét khác biệt rõ ràng giữa hai hình thức hầu đồng tại Đà Lạt hiện nay. Trong dòng thờ Mẫu phía Bắc, Ông được hầu ở giá các Ông Hoàng theo tuần tự từ Ông Đệ Nhất đến Ông Hoàng Mười; song ở hầu hội, Ông lại được hầu sau Ông Bảy, Ông Chín với lý do Ông thuộc cõi Thoải

Phủ (mà cõi Thoải Phủ lại được hầu cuối cùng).

Ngoài thứ tự giá đồng, sự xuất hiện thêm một số vị thánh cũng là một điểm khác biệt trong vấn hầu hội so với lối hầu Bắc. Những vị thánh ấy chủ yếu thuộc cõi Trung Thiên như Ngũ Vị Thánh Bà (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ), các vị Tôn Quan, Cô, Cậu ngoại cảnh…

3.3. Cung văn linh hoạt

Khi thực hiện hầu hội, mỗi thanh đồng có thể mang trang phục tương ứng với một vị thánh nào đó (nhất là đối với giá Ngũ Bà cõi Thượng Thiên - từ Bà Đệ Nhất đến Bà Đệ Ngũ; Ngũ Bà cõi Trung Thiên - gồm Bà Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ; giá các Chầu cõi Thượng Ngàn, giá các Cô…) để cùng hầu. Trong cách hầu này, cùng một khoảng thời gian sẽ có nhiều vị thánh giáng vào các thanh đồng khác nhau. Do đó để có thể phục vụ tất cả các thanh đồng hầu thánh, cung văn không thể hát theo cách ra hiệu của từng thanh đồng (như kiểu hầu Bắc) mà thường chủ động trong diễn xướng các bài văn ca ngợi thánh Tứ phủ. Ví dụ trong giá hàng Cô, theo quan niệm dân gian thường có 12 Cô trong điện thần thờ Mẫu, từ Cô Cả, Cô Đôi… cho đến Cô Bé. Khi hát văn tại giá này, tính chủ động của cung văn được thể hiện ở hai trường hợp: *Trường hợp thứ nhất,* nếu cùng lúc các thanh đồng chỉ hầu Cô Cả, Cô Đôi, Cô Ba, Cô Sáu, Cô Chín, Cô Mười, Cô Bé; cung văn sẽ chủ động *xe giá* - hát mời Cô Tư, Cô Năm, Cô Bảy, Cô Tám, Cô Mười Một theo hình thức nêu tên (hầu như không có lời văn ca ngợi). Sau đó, cung văn sẽ lần lượt diễn xướng tuần tự các bài hát văn ca ngợi Cô Cả, Cô Đôi, Cô Ba, Cô Sáu, Cô Chín, Cô Mười, Cô Bé với thời gian có thể từ vài đến vài chục phút cho mỗi giá. *Trường hợp thứ hai,* nếu số lượng các thanh đồng đông đảo, họ có thể hầu cùng một lúc cả 12 Cô. Trong trường hợp này, mốc thời gian các thánh bắt đầu giáng vào mỗi thanh đồng có thể không hoàn toàn giống nhau. Tuy nhiên cung văn không phải tuân theo thứ tự ra hiệu của từng thanh đồng để hát, họ thường đợi cho đến khi tất cả 12 Cô cùng giáng (biểu hiện ở việc tất cả các thanh đồng đã tung khăn phủ diện) rồi lần lượt diễn xướng lời văn ca ngợi từ Cô Cả đến Cô Bé.

Thực tế, cung văn N.V.T (người gốc Huế tại Đà Lạt) cho biết, vì các tín đồ thờ Mẫu dạng thức miền Trung ở Đà Lạt hầu theo các cõi nên mỗi hàng thánh, người ta chỉ hầu một vài vị (các thanh đồng cùng hầu một lượt là hết một bậc/giá) chứ không tuần tự hầu từng vị từ đệ nhất cho tới vị cuối cùng trong một bậc (Chầu hoặc Ông Hoàng, Cô) như hầu Bắc. Do đó, cách hát văn trong hầu Huế cũng chủ động hơn trong việc sử dụng các làn điệu, bài bản hát văn để có thể cùng lúc phục vụ hết các thanh đồng với nhiều vị thánh cùng giáng.

3.4. Hầu dâng - số lượng ít và không cần phải là thanh đồng

Hầu dâng/tứ trụ là công việc của những

tín đồ đạo Mẫu; do am hiểu các nghi thức thờ cúng, hành lễ, họ được ông đồng bà đồng mời giúp việc trong lễ lên đồng như thắp hương, dâng lễ vật, thay lễ phục, phát lộc cho người tham dự… Tuy nhiên so với cách thức truyền thống, hầu dâng trong vấn hầu hội tại Đà Lạt vẫn có một số nét khác biệt.

Thứ nhất, số lượng hầu dâng phục vụ mỗi thanh đồng thường ít và không cố định. Mỗi thanh đồng khi thực hiện hầu Bắc thường có 4 hầu dâng, trong khi mỗi thanh đồng hầu hội thường chỉ có 1 hầu dâng, thậm chí 2 hoặc 3 thanh đồng mới có 1 hầu dâng. Một số trường hợp, thanh đồng không mời hầu dâng mà tự xử lý các vấn đề liên quan đến y phục hầu để giảm bớt chi phí.

Thứ hai, không phải hầu dâng nào cũng là thanh đồng. Trong hình thức hầu Bắc, một trong những tiêu chuẩn đầu tiên để trở thành hầu dâng là phải là thanh đồng. Tuy nhiên, hầu dâng trong hầu hội tại Đà Lạt không hoàn toàn như vậy. Một số người có thể là chồng, con, hoặc người thân của thanh đồng nhưng có một số hiểu biết nhất định về các giá đồng Tứ phủ. Trong một số trường hợp, cung văn cũng có thể trở thành "hầu dâng bất đắc dĩ".

Thứ ba: Công việc chủ yếu của hầu dâng là phụ giúp dâng lễ vật, đạo cụ; điều này khác với các hầu dâng trong hình thức hầu Bắc (vì họ phải đảm nhận rất nhiều công việc, trong đó quan trọng nhất là giúp thanh đồng thay lễ phục, dâng lễ vật, đạo cụ, phát lộc…).

3.5. Lễ phục - miều và mạng

Một vài lễ phục đặc trưng: Cũng như hình thức hầu Bắc, trang phục của các thanh đồng hầu hội tại Đà Lạt rất đa dạng. Ngoài áo gấm thêu hình tứ quý (giá các Quan, Ông Hoàng) hay các loại áo dài đủ màu sắc (giá hàng Chầu, hàng Cô), khăn phủ diện, khăn quấn đầu, dây lưng, khăn quàng cổ, các đồ trang sức… còn có thêm *miều* và *mạng*. *Miều* là chiếc khăn dài từ 60-80cm, rộng khoảng 20cm được dùng để chùm qua mũ và thắt dưới cằm ở giá các Quan và Ông Hoàng. *Mạng* là những mảnh vài dài chừng 80-100cm, rộng 5-7cm dùng để vắt chéo qua vai thanh đồng trong các giá Quan Lớn và Ông Hoàng (nếu giá Quan Lớn thì dùng 1 sợi chéo trước ngực qua vai, nếu giá Ông Hoàng là 2 sợi). Tại Đà Lạt, hầu hết các thanh đồng hầu hội đều mang *miều* và *mạng* khi thực hiện giá hàng Quan Lớn và Ông Hoàng; ngược lại, các thanh đồng theo hình thức hầu Bắc không sử dụng những lễ phục này. Do đó trong lúc hầu thánh, chỉ cần quan sát thanh đồng có mang *miều, mạng* hay không, người xem có thể nhận biết được họ đang thực hiện hầu Bắc hay hầu hội/hầu Huế.

Cách thức thay lễ phục: Sau mỗi giá hầu hội, các thanh đồng sẽ lùi vào phòng riêng hoặc hai bên sân chầu để tự thay lễ phục (hoặc có sự giúp đỡ của hầu dâng, người thân thậm chí là cung văn…). Đây là một trong những điểm khác biệt so với cách thay lễ phục ngay tại sân chầu (gian chính điện) của các thanh đồng hầu Bắc.

3.6. Lễ vật - sử dụng nhiều đồ chìm

Lễ vật đặc trưng: Ngoài các loại hoa tươi, trái cây các loại, trầu cau, hương đăng, bánh kẹo, thuốc lá, nước ngọt, rượu, giấy tiền âm, tiền lẻ, lễ tam sinh (gà, vịt, heo - có thể là thịt heo, đầu heo quay hoặc cả con)… một lễ vật quan trọng khác trong các *vấn hầu lễ*[4] chính là vàng mã.

Trong hình thức hầu Bắc tại Đà Lạt, dù là *vấn hầu vui*[5] hay vấn hầu lễ đều có dâng lễ vàng mã. Tùy quy mô, tính chất quan trọng khác nhau của mỗi buổi lễ mà số lượng, kích cỡ các lễ vàng mã có thể lớn nhỏ, hoặc nhiều ít khác nhau. Song tất cả vàng mã ấy đều là *đồ nổi* - được làm bằng các loại giấy màu và tạo ra các hiện vật hình khối như thật. Ở hình thức hầu hội tại Đà Lạt, người ta chỉ dâng vàng mã trong vấn hầu lễ. Tuy nhiên, số vàng mã như voi, ngựa, thuyền rồng… được làm theo phương thức truyền thống rất hạn chế, thay vào đó họ sử dụng *đồ chìm* để dâng thánh. Tức chỉ in những hình ảnh này vào tờ giấy bản mang tính chất tượng trưng. Một bộ đồ chìm thường có giá dao động từ 40 - 60 ngàn đồng. Việc sử dụng đồ chìm giúp giảm đáng kể chi phí so với việc dùng hàng mã (có thể lên đến vài chục triệu đồng).

3.7. Kinh phí thực hiện do nhiều thanh đồng đóng góp

Tất cả các thanh đồng tham gia hầu hội đều có trách nhiệm đóng góp một phần kinh phí để tổ chức buổi lễ. Do đó, số lượng thanh đồng càng nhiều, mức chi phí của mỗi người càng ít. Qua khảo sát tại Đà Lạt, một vấn hầu hội thường có từ 4 đến 15 người. Nếu là vấn hầu nhỏ trong các ngày vía/tiệc của vị thánh nào đó trong Tứ phủ, mỗi thanh đồng thường chỉ cần từ 500 ngàn đến 2 triệu đồng cho tất cả các chi phí. Chỉ những lễ hầu mang tính chất đại đàn nhằm phục vụ cho một ai đó như lễ hầu trình đồng, trình đồng mở phủ hay trình đồng tiến căn, toàn bộ chi phí sẽ do chủ lễ chi trả, thường lên tới 25 - 40 triệu đồng (có thể hơn tùy khả năng từng người). Điều này có khác so với hình thức hầu Bắc bởi người *chủ lễ*[6] thường phải chi toàn bộ kinh phí cho tất cả các vấn hầu.

Nhìn chung, so với nghi lễ hầu đồng Bắc Bộ, nghi lễ hầu hội của người Việt tại Đà Lạt có một số khác biệt. Sự khác biệt ấy có thể giải thích bởi sự giao thoa về văn hóa, lịch sử di cư và điều kiện kinh tế - xã hội mỗi thời kỳ.

Trong quá trình di dân xây dựng làng mạc, thôn ấp, người Việt phải đối mặt với muôn vàn khó khăn trên vùng đất mới. Những khó khăn về kinh tế trong buổi đầu định cư tại vùng đất nhỏ hẹp này cũng góp phần khiến tục thờ Mẫu miền Trung có những biến đổi. Nghi thức *hầu hội, nhiều thanh đồng,* việc dùng vàng mã là *đồ chìm,* cũng như sự hạn chế số lượng hầu dâng…, giúp giảm bớt chi phí trong thực hành tín ngưỡng. Đây là những biểu hiện về cách ứng xử văn hóa dưới tác động của điều kiện kinh tế.

4. ẢNH HƯỞNG CỦA HẦU HỘI ĐỐI VỚI NHỮNG NGƯỜI ĐI THEO TÍN NGƯỠNG NÀY

4.1. Những ảnh hưởng tích cực về sức khỏe và tinh thần

4.1.1. Đối với các thanh đồng và những người được phán là có căn mạng

- Hầu hội giúp chữa bệnh, giải tỏa những căng thẳng về tâm sinh lý:

Cũng như nhiều thầy Shaman trên thế giới, các ông đồng bà đồng Việt Nam nói chung "không phải là những người tự nguyện đến với tín ngưỡng thờ Mẫu, chủ yếu họ bị đẩy đến việc phải ra đồng" (Ngô Đức Thịnh, 2007: 108). Tại Đà Lạt, trước khi ra đồng, hầu hết những thanh đồng dòng hầu hội đều có những biểu hiện bất thường, dân gian gọi là có "căn mạng", như có những bất thường về tinh thần, đau ốm thập tử nhất sinh… Cũng có trường hợp, các thế hệ trước của thanh đồng đã từng theo nghiệp này nên còn gọi là có "gien", dân gian gọi là "đồng mẹ cốt con"; song trường hợp này không nhiều.

Hầu hết những người có "căn đồng" tại Đà Lạt từng là người bệnh nặng, chữa chạy nhiều nơi không khỏi, thậm chí có trường hợp đã bị bệnh viện trả về, nhưng khi đến cửa Mẫu được phán là bị "bệnh âm", làm *lễ trình đồng mở phủ*, trở thành thanh đồng thì bệnh khỏi hẳn.

Bà N.T.K.C năm nay 80 tuổi, chủ một ngôi đền thờ Mẫu miền Trung tiêu biểu tại Đà Lạt cho biết: khi còn bé, bà thường đau ốm, cha mẹ chạy chữa nhiều nơi không khỏi và cũng chẳng biết là bệnh gì. Khoảng năm 10 tuổi, bà được các thánh "chấm đồng"[(7)] và đã ra trình đồng mở phủ, trở thành thanh đồng từ năm 1948. Từ đó đến nay, bà luôn thực hiện nghi lễ hầu thánh, sau mỗi lần như vậy bà đều cảm thấy khỏe mạnh và khoan khoái hơn, sức khỏe cũng luôn ổn định, công việc gia đình cũng khá thuận buồm xuôi gió.

Cô đồng L.T.B.T, sinh năm 1995, hiện sống tại đường Nhà Chung - Đà Lạt là một ví dụ khác. Cô đã tốt nghiệp Trường Cao Đẳng nghề Đà Lạt, hiện đang là nhân viên trực tổng đài cho một hãng taxi trong thành phố. Theo lời kể của bà T.T.L (mẹ thanh đồng L.T.B.T), năm cô 10 tuổi có theo mẹ đến tham dự lễ hầu đồng tại đền Bảo Hương Linh Từ (7B - Trần Phú) được đồng đền phán rằng cô có căn đồng, đến năm 19 tuổi phải *ra đồng/trình đồng* để hầu thánh. Từ năm 15 tuổi đến trước lễ trình đồng (diễn ra ngày 26/11/2016 âm lịch), L.T.B.T thường đau ốm liên miên không rõ nguyên nhân, hay mất ngủ hoặc có những giấc mơ rất kỳ lạ; cha mẹ đưa cô đi khám nhiều nơi nhưng chẳng ra bệnh gì. Hai năm gần đây, gia đình đã dẫn cô đi xem bói các nơi như Lâm Hà, Đạh Tẻ đều được các thầy đồng bói phán có căn Tứ phủ nên phải ra hầu đồng mới hết bệnh được. Khi nghe vậy, bà T.T.L đã quyết định làm lễ trình đồng cho con tại Đà Lạt.

Chiều ngày 26/10/2016 âm lịch, chúng tôi có dịp tham dự lễ trình đồng chính thức của cô L.T.B.T và thực sự ngạc nhiên vì thần thái và sự linh hoạt lộ rõ trên khuôn mặt cũng như trong từng hành động. Bởi chỉ trước đó 2 tuần,

cô còn tỏ ra rất mệt mỏi và chậm chạp trong một lễ hầu mà chúng tôi có tham dự. Qua trao đổi, bà T.T.L cho biết: "sau lễ thục mạng cô đã khỏe hẳn ra, thấy người nhẹ nhõm và thoải mái hơn(!)".

Trường hợp bà N.T.N, quê gốc Thừa Thiên Huế, 82 tuổi, hiện sinh sống tại phường 4 Đà Lạt cũng là một ví dụ. Trước khi trở thành thanh đồng bà cũng thường xuyên có những biểu hiện bất thường về sức khỏe, đau ốm hoặc có những giấc mơ kỳ lạ như được các thánh dạy âm, công việc làm ăn thường thất bại, thậm chí phải bán cả nhà. Sau đó, bà có đến cửa Mẫu và tham dự một số vấn hầu hội của người Huế tại Đà Lạt và thấy khỏe ra, tinh thần thoải mái. Sau đó bà đã ra đồng mở phủ và trở thành thanh đồng. Đến nay, bà N.T.N đã hầu thánh gần 50 năm.

Qua một số ví dụ trên cho thấy, trước khi trở thành thầy đồng, hầu hết các thanh đồng dòng hầu hội tại Đà Lạt đều trải qua một số bất thường về sức khỏe tinh thần và thể chất. Với việc tham gia vào nghi lễ lên đồng, các ông đồng bà đồng đã tự đưa họ vào trạng thái mà các nhà nghiên cứu gọi là "tự ám thị" về sự tồn tại của thần linh và khao khát được thông quan với thần linh để cầu xin sự che chở, phù hộ của lực lượng siêu nhiên ấy. "Chính trong môi trường tự biến đổi ý thức đó, cái vô thức trỗi dậy, giúp ông đồng, bà đồng giải tỏa nhiều ức chế tâm thần mà đó chính là nguồn gốc của nhiều hiện tượng tâm sinh lý như điên loạn, bệnh tật, kết tóc, cơ đày…" (Ngô Đức Thịnh, 2007: 174).

Theo Nguyễn Kim Hiền (2004: 362), "Việc lên đồng mang một khoái cảm đặc biệt đối với người tham dự, nó như một phương thức trị liệu có tác dụng giải tỏa căng thẳng và thăng hoa, đặc biệt đối với nhiều người phụ nữ xưa, cuộc sống phần lớn chịu nhiều ức chế. Chẳng thế mà người ta có câu 'Thứ nhất ngồi đồng, thứ nhì lấy chồng quan'". Nhà nghiên cứu Ngô Đức Thịnh (2007: 193-194) cũng cho rằng, "Điều đó cũng giải thích một hiện tượng mang tính toàn cầu là các thầy Shaman (thầy đồng) trước khi ra đồng thường hay bị đau ốm, điên loạn nhưng sau khi ra đồng trở thành thầy đồng (Shaman) thì mọi chuyện lại như bình thường như chưa có gì xảy ra. Hoặc khi đã ra đồng rồi nhưng không thường xuyên ngồi đồng (mỗi năm ít nhất 1, 2 hoặc 3 vấn) thì họ dễ bị trở lại trạng thái khủng hoảng tâm sinh lý ban đầu".

Theo bà N.T.K.C, giai đoạn 1980 đến 1990, khi Đảng và Nhà nước chủ trương bài trừ mê tín dị đoan, "[t]rong thời gian ấy, mọi hoạt động liên quan đến tục thờ, nhất là hầu đồng đều bị ngăn cấm. Tuy nhiên, tín ngưỡng thờ Mẫu và nghi lễ hầu hội của cư dân gốc miền Trung tại Đà Lạt vẫn như một mạch nguồn âm ỉ tồn tại cho đến tận ngày nay. Bởi đã là thanh đồng, thì không thể không hầu thánh. Ít nhất một năm phải bắc ghế hầu từ 1 đến 2 lần nếu không bản thân tôi cũng cũng như những thanh đồng khác sẽ cảm

thấy thiếu thốn một điều gì đó rất quan trọng trong cuộc sống" (Phỏng vấn sâu, nữ thanh đồng N.T.K.C, Đà Lạt). Với họ, hầu đồng chính là một niềm hạnh phúc, nó mang đến cho họ trạng thái vui tươi và hưng phấn.

- Hầu hội giúp các thanh đồng có cơ hội sống đúng với bản chất con người thật của mình:

Khái niệm *đồng bóng* thường được dùng để chỉ những ông Đồng bà Đồng. Trong thực tế, nhiều người trong số họ là những người đồng tính. Nếu là nam thường có tính cách ẻo lả, giọng nói the thé, tay chân mềm mại, múa rất khéo, thích trang điểm hoặc mặc đồ có màu sắc sặc sỡ… Nếu là nữ lại có giọng ồm ồm, tướng nam nhân, uống rượu, hút thuốc… Trong quá trình thực hiện các vấn hầu, ngoài giá của các vị Thánh có cùng giới tính, mỗi thanh đồng còn hầu rất nhiều giá của các vị thánh không cùng giới tính với mình: chẳng hạn, các bà Đồng trong giá các Quan Lớn, Ông Hoàng, Cậu; hoặc các ông Đồng với các giá Chúa, Chầu, Cô. Khi thực hiện những giá hầu dạng này, bản thân các ông Đồng, bà Đồng sẽ có cơ hội thể hiện những tính cách bấy lâu tiềm ẩn trong con người của họ mà chưa hoặc ít có cơ hội được thể hiện trong cuộc sống thường nhật.

4.1.2. Đối với các con nhang, đệ tử

- Tạo niềm tin trong cuộc sống

Đại đa số những người tìm đến các điện thờ Mẫu thường gặp những khó khăn hoạn nạn trong cuộc sống, không hạnh phúc trong hôn nhân, hay làm ăn thất bại… Họ đến để cầu xin sự ban tài tiếp lộc, sự phù hộ che chở từ các vị thánh Tam phủ, Tứ phủ. Điều này có thể được giải thích theo lý thuyết tính đồng dạng của McPherson, L.S. Lovin.

Theo quan niệm dân gian, mỗi vị thánh trong Tam phủ, Tứ phủ đều có những khả năng nhất định phù trợ cho con người trong mỗi lĩnh vực khác nhau: làm ăn buôn bán thì xin ở giá Chầu Đệ Nhị, công danh sự nghiệp thì xin ở giá Ông Hoàng Mười; muốn cắt duyên âm phải đợi đến giá Quan Đệ Ngũ Tuần Tranh, … Do đó các con nhang đệ tử ở Đà Lạt thường tham gia sinh hoạt tín ngưỡng tại các đền thờ Mẫu, đặc biệt là các vấn hầu hội để cầu xin sức khỏe, tài lộc, may mắn… Mỗi khi các thánh giáng đồng, con nhang đệ tử và những người tham dự thường dâng lễ vật (bằng cách dùng tiền với số lượng tùy tâm cho vào chiếc dĩa nhỏ để dâng lên các thánh) kèm theo lời tấu xin. Sự chứng nhận của các thánh trong mỗi vấn hầu mang lại sự "đảm bảo" và sự lạc quan cho người tham dự về một tương lai tươi sáng hơn(!)

- Nâng cao nhận thức và trân trọng những giá trị truyền thống của dân tộc

Trước hết, cũng như một số hình thức sân khấu cổ truyền, lên đồng nói chung và hầu hội nói riêng có sự kết hợp âm nhạc, lời hát, nhảy múa, điệu bộ, lời nói, kịch câm, trang phục và các vật dụng. Tuy nhiên, điểm khác biệt giữa lên đồng với một số hình thức sân khấu truyền thống ở chỗ:

nếu sân khấu truyền thống chỉ mang tính giải trí thì lên đồng - còn mang lại giá trị tâm linh cho cả người hầu đồng cũng như người xem.

Lên đồng hay hầu hội là "một nguồn văn hóa, là một kho tàng của nhiều loại hình nghệ thuật truyền thống, là một cái giếng văn hóa" (Proschan, 2004: 271). Bằng việc diễn tả những hành động và điệu bộ đặc trưng của các nhân vật huyền thoại và lịch sử, lên đồng đã làm sống lại các nhân vật này. Mỗi vị anh hùng nào đó trong lịch sử Việt Nam đều có đền thờ riêng và được tái sinh trong các nghi lễ lên đồng như Ông Hoàng Bảy(8), Ông Hoàng Mười(9)… Thông qua các giá đồng, người xem có thể liên tưởng những chiến công của các vị Thánh và những truyền thống của dân tộc.

Thứ hai, hiểu thêm về những giá trị văn hóa vật chất và tinh thần truyền thống của dân tộc.

Trong cuộc sống thường nhật hiện nay, những trang phục dạng cung đình xưa đã không còn tồn tại. Do đó, khi xem những vấn đồng, người xem được tận mắt chứng kiến những bộ trang phục của giới quyền quý và quan lại xưa. Dù hiện nay, qua sự sáng tạo của các nghệ nhân, trang phục trong các giá đồng không hoàn toàn giống trang phục của các quan lại xưa mà có phần đẹp hơn, phong phú. Những hoa văn được thêu trên áo của các vị Quan, Chầu, Ông Hoàng, Cô, Cậu là sự tôn vinh nghệ thuật thêu truyền thống của Việt Nam.

Trong những giá hầu của các vị Thánh Tứ phủ, xuất thân từ dân tộc thiểu số (Dao, Tày, Nùng, Mường…) người xem có thể hình dung ra trang phục truyền thống của một số dân tộc thiểu số ở miền Bắc Việt Nam - thậm chí cả những trang phục không còn sử dụng. Nhờ đó, trang phục nói riêng và văn hóa nói chung của các dân tộc thiểu số đã được lưu truyền và tái hiện. Đúng như nhận định của Frank Proschan (2004: 273): "Lên đồng đã tạo ra một loại "dân tộc học dân gian" - nơi mà ông Đồng, bà Đồng đã bộc lộ quan niệm về cách mà người dân tộc nhận biết, cách ăn mặc cũng như cách ứng xử. Giống như những nhà dân tộc học chuyên nghiệp, những người hầu đồng đã quan sát quần áo và hành vi của những người dân tộc láng giềng, rồi giới thiệu một số khía cạnh hoặc yếu tố của họ để cho người khác cùng chiêm ngưỡng".

Bên cạnh trang phục, hát văn cũng là một loại hình diễn xướng dân gian được thể hiện nhằm phục vụ cho nghi lễ hầu đồng. Dù không được đào tạo một cách bài bản, song sự biểu diễn của các "nghệ sĩ bình dân" trong mỗi vấn hầu ít nhiều đã giúp người tham gia được thưởng thức thể loại hát chầu văn, đặc biệt những điệu cờn, điệu xá… trong các giá Chầu, giá Cô còn tạo ra những xúc cảm mạnh mẽ, sự thăng hoa cần thiết trong cuộc sống nhiều lo toan, vất vả.

4.2. Một số tác động không mong muốn của tín ngưỡng thờ Mẫu

Bên cạnh những tác động tích cực, nghi

lễ hầu đồng nói chung và hầu hội nói riêng vẫn còn tồn tại không ít những ảnh hưởng tiêu cực đối với xã hội. Ở các đền thờ Mẫu, nhiều trường hợp khách hàng là người thường xuyên đau ốm, thất bại trong công việc, muộn vợ muộn chồng hoặc không hạnh phúc trong hôn nhân… mỗi khi đến đây hay bị phán là có căn đồng. Thậm chí một số thầy đồng còn quan niệm ai cũng có căn đồng, mỗi người sinh ra đã hợp căn mạng với một vị thánh nào đó trong Tam phủ/Tứ phủ, chỉ là căn nặng hay nhẹ mà thôi(!) Có những trường hợp sau khi xem bói hoặc trong khi hầu đồng, thầy đồng đã phán truyền cho con nhang đệ tử và người tham dự những vấn đề như căn cao số nặng phải bắc ghế hầu thánh mới nhẹ nghiệp, hay duyên âm/tiền duyên rất nặng phải cắt nhiều lần với nhiều lễ khác nhau (xem thêm Bùi Thị Thoa, 2017: 50-64).

Những lời "khuyên" như trên đã khiến không ít người hoang mang, thậm chí mù quáng tin theo dẫn đến việc phải *đội bát nhang bản mệnh*(10), nặng hơn là làm lễ *trình đồng tiễn căn*(11) hoặc *trình đồng mở phủ* trở thành thanh đồng… khiến họ phải chịu nhiều phí tổn, có khi lên đến vài chục triệu đồng. Một số người, thậm chí xây dựng điện thờ và đi theo con đường làm việc thánh, nhưng dù vậy những bất ổn của bản thân vẫn không được cải thiện.

Bên cạnh đó, với tâm lý hầu đồng sẽ được các thánh ban tài tiếp lộc, nên ở Đà Lạt hiện nay một số người có điều kiện kinh tế, dù không được phán có căn đồng, cũng thực hiện các lễ hầu đồng, dẫn đến tình trạng loạn đồng bóng mà có người gọi là đồng đua, đồng đú. Những vấn hầu dạng này đang khiến hầu hội tại Lâm Đồng mất đi những giá trị truyền thống tích cực của tín ngưỡng này.

5. KẾT LUẬN

Hầu hội là một trong hình thức hầu đồng đã và đang tồn tại trong sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu của cư dân Việt theo dạng thức miền Trung ở Đà Lạt, Lâm Đồng. Đặc trưng nổi bật của hầu hội là sự tham gia đông đảo của các thanh đồng, cách thức hầu theo cõi, số lượng hầu dâng ít, vàng mã đặc trưng là đồ chìm… Từ khi *tín ngưỡng thờ Mẫu Tam phủ* của người Việt được UNESCO công nhận là di sản văn hóa thế giới, hoạt động hầu hội ở Đà Lạt ngày càng nhộn nhịp hơn. Tuy nhiên, bên cạnh những tác động tích cực như là một phương pháp trị liệu giúp những người có những bất ổn về tinh thần, thể chất hòa nhập cộng đồng; giúp một số thanh đồng có cơ hội sống thật với tính cách bản thân; chuyển tải các giá trị vật chất và tinh thần truyền thống của dân tộc…; hoạt động hầu hội vẫn tồn tại một số tác động không mong muốn. Không ít con nhang đệ tử trở thành nạn nhân của các trò lừa bịp, buôn thần bán thánh của một số thầy đồng kém đạo đức. Tình trạng biến tướng trong hoạt động hầu hội như đồng đua, đồng đú hay hầu đồng vì lợi lộc trần thế ít nhiều gây ảnh hưởng xấu đến sinh hoạt tín ngưỡng thờ Mẫu ở Đà Lạt.

Để hầu đồng nói chung và hầu hội nói riêng tại Đà Lạt phát huy được những giá trị văn hóa hướng thiện, cần thiết phải có sự vào cuộc sát sao hơn nữa của các cấp chính quyền trong quản lý và định hướng. Cần nâng cao hiểu biết cho các thanh đồng và con nhang đệ tử về tín ngưỡng thờ Mẫu cũng như giá trị của nghi lễ hầu đồng; đồng thời có những biện pháp chế tài đủ mạnh đối với những người lợi dụng hầu đồng để trục lợi. ❑

CHÚ THÍCH

(1) *Lễ trình đồng mở phủ*: Những người có căn đồng ra trình đồng trong khóa lễ trình các giá hàng Quan Lớn giáng ứng đồng thầy để làm các thủ tục khai phủ gọi là trình đồng mở phủ. Sau lễ này, họ có thể mở phủ riêng để tự mình làm việc thánh và trở thành các thầy đồng thực sự.

(2) *Giá đồng:* là khoảng thời gian từ khi thánh "nhập" đến lúc thánh "thăng" khỏi thân xác ông đồng, bà đồng. Do đó, một vấn hầu/buổi hầu có bao nhiêu vị thánh "về" thì có bấy nhiêu giá.

(3) *Ăn lộc*: Đây là khái niệm dùng để chỉ một người nào đó hợp căn mạng với một vị thánh trong Tam phủ hoặc Tứ phủ, được vị thánh đó ban cho những năng lực siêu nhiên, có khả năng đoán định nhìn thấu được quá khứ, tương lai, vận mệnh của người khác…

(4) *Vấn hầu lễ*: Là vấn hầu được tổ chức vào bất cứ ngày nào trong tháng (có thể trùng với ngày húy kỵ hoặc đản sinh của vị thánh nào đó trong Tam phủ, Tứ phủ). Trong vấn hầu này, các đồng thầy thường thực hiện một số công việc cho các con nhang đệ tử như trình đồng mở phủ, trình đồng tiễn căn, cắt duyên âm, trả nợ tào quan… cho khách hàng.

(5) *Vấn hầu vui:* Được tổ chức vào các ngày đản sinh hay húy kỵ của vị thánh nào đó trong Tam phủ, Tứ phủ. Mục đích của nghi lễ này nhằm tưởng nhớ và tri ơn đối với các Thánh.

(6) *Chủ lễ*: Có thể là đồng đền/chủ đền hoặc khách hàng có nhu cầu muốn nhờ các ông đồng bà đồng thực hiện nghi lễ nào đó mà cần có sự giáng đồng chứng tâm của các thánh thông qua lễ hầu đồng như lễ trình đồng mở phủ, lễ trình đồng tiễn căn, lễ phả độ gia tiên, hoặc cắt giải tiền duyên.

(7) *Chấm đồng*: Khi các thánh về giáng đồng trong mỗi vấn hầu thường có những động tác múa kèm với những đạo cụ đặc trưng cho mỗi giá. Trong số những người tham dự, nếu các thánh nhận thấy có đệ tử nào phù hợp với họ, thanh đồng (bấy giờ chính là vị thánh) sẽ dùng đạo cụ đang múa để ban cho người ấy. Chẳng hạn trong giá Ông Hoàng Bẩy, khi Ngài về giáng và chấm đồng sẽ sử dụng chiếc *hèo* để ban cho một hoặc một số người tham dự. Người nào nhận được *hèo* có nghĩa là đã được Ông Hoàng Bảy chấm đồng.

(8) Ông Hoàng Bảy: Vào cuối đời Lê niên hiệu Cảnh Hưng (1740-1786), khắp vùng Quy Hóa gồm Châu Thủy Vỹ và Châu Văn Bàn (thuộc Lào Cai bây giờ) luôn bị giặc phương Bắc tràn sang cướp phá, giết hại dân lành. Trước cảnh đau thương tang tóc ấy, tướng Nguyễn Hoàng Bảy được triều đình giao trọng trách khởi binh dẹp loạn vùng biên ải. Đội quân của ông tiến dọc sông Hồng đánh đuổi quân giặc, giải phóng Châu Văn Bàn và củng cố xây dựng Bảo Hà thành căn cứ lớn. Trong một trận chiến không cân sức với quân giặc, ông đã anh dũng hy sinh, thi thể ông trôi theo dòng sông Hồng tới Bảo Hà thì dạt vào bờ. Nhân dân trong vùng đã vớt, an tang thi thể ông và lập đền thờ tại đây để ghi nhớ công đức to lớn của ông (dẫn theo daomauvietnam.net.vn, 2017).

(9) Ông Hoàng Mười: Theo một số đền thờ vùng Nghệ Tĩnh, ông được coi là Lê Khôi, vị tướng tài, cháu ruột và là người theo Lê Lợi chinh chiến trong mười năm kháng chiến chống quân Minh. Vì thế, ông được nhân dân xứ Nghệ tôn vinh là "Đức thánh minh".

(10) *Đội bát nhang bản mệnh*: là nghi lễ dành cho những người hợp căn mạng một vị thánh nào đó trong Tam phủ, Tứ phủ, thường bị đau ốm không rõ nguyên nhân (dân gian thường gọi là "ốm đứng"). Họ được các đồng đền/chủ đền lập cho bát nhang và cho vào đội để trình trong giá của vị thánh mà họ hợp căn mạng. Bát nhang ấy sẽ được thờ trong điện để các thánh che chở.

(11) *Trình đồng tiễn căn*: những người có căn đồng nhưng chưa có duyên hoặc mắc các bệnh trạng không phù hợp với việc múa đồng (mất chân, gẫy tay…), tuổi cao, già yếu và một số người có hoàn cảnh đặc biệt khác đều có thể xin tiễn căn để yên bản mệnh, không phải trình hầu. Sau khi làm lễ tiễn căn xong, họ được xem là không còn mang mệnh đồng nữa, cuộc sống sẽ như những người bình thường khác.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bùi Thị Thoa. 2017. "Cắt tiền duyên trong nghi lễ lên đồng của người Việt ở Lâm Đồng". *Tạp chí Khoa học xã hội (TPHCM),* số 9.

2. Daomauvietnam.net.vn. 2017. "Đền Bảo Hà và sự tích ông hoàng Bảy". http://daomauvietnam.net.vn/tin-tuc/den-bao-ha-va-su-tich-ong-hoang-bay/, truy cập ngày 5/7/2018.

3. Bonnemaison. J. 2000. *La géographie culturelle* (do Maud Lasseur và Christel Thibault biên tập). Paris.

4. Kroeber. A. L. 1948. *Anthropology: Race, Language, Psychology, Prehistory*. New York and Burlingame: Harcourt, Brace & World, Inc.

5. Ngô Đức Thịnh. 2007. *Lên đồng - Hành trình của thần linh và thân phận.* TPHCM: Nxb. Trẻ.

6. Nguyễn Hữu Thông. 2001. *Tín ngưỡng thờ Mẫu ở miền Trung Việt Nam.* Huế: Nxb. Thuận Hóa.

7. Nguyễn Kim Hiền. 2004. "Lên đồng ở Việt Nam một sinh hoạt văn hóa tâm linh mang tính trị liệu", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á.* Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

8. McPherson, Lynn Smith-Lovin and James M. Cook. 1987. "Homophily in Voluntary Organizations: Status Distance and the Composition of Face-to-Face Groups", *American Sociological Review*.

9. Proschan, Frank. 2004. "Lên đồng (Hầu bóng) - Kho tàng sống của di sản văn hóa Việt Nam", trong *Đạo Mẫu và các hình thức Shaman trong các tộc người ở Việt Nam và Châu Á.* Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

10. Trần Đại Vinh. 1995. *Tín ngưỡng dân gian Huế.* Huế: Nxb. Thuận Hóa.

11. Trần Đại Vinh. 2017. "Tín ngưỡng thờ Mẫu và chư vị ở Thừa Thiên Huế". *Tạp chí Nghiên cứu và Phát triển*, số 1.

12. Ủy ban Nhân dân thành phố Đà Lạt. 2008. *Địa chí Đà Lạt.* TPHCM: Nxb. Tổng hợp.